TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2023/DS - ST
Ngày: 17 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận G

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy An, Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2023, tại Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2023/TLST-DS, ngày 04/05/2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2023/QĐXXST-DS, ngày 28/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1956; Người đại diện hợp pháp của bà Vũ Thị L: Ông Nguyễn Xuân A; Cùng địa chỉ: Số B đường Q, Phường M, quận G. Theo Giấy ủy quyền lập ngày 25/5/2023.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L1; sinh năm 1958; địa chỉ: Số E đường Q, Phường M, quận G.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đắc C; địa chỉ: Số E đường Q, Phường M, quận G.

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 14/4/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông Nguyễn Xuân A trình bày:

Bà Lvà bà L1 là chị em kết nghĩa nhiều năm nay. Từ năm 2019 đến năm 2022, bà L1 nhiều lần mượn tiền của bà L. Bà L1 nói mượn tiền cho con bà đi học làm phi công, trả nợ mà gia đình ông bà vay của Ngân hàng, chi phí sinh hoạt trong gia đình, ốm đau…. Do tin tưởng vào những điều bà L1 nói

nên bà L cho bà L1 mượn tiền nhiều lần. Sau đó, bà L1 hẹn nhiều lần nhưng không trả nợ. Vì vậy, bà L khởi kiện tại Tòa yêu cầu bà L1 có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc là 325.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ tháng 30/01/2022 đến 30/01/2023 là 44.800.000 đồng. Tổng cộng là 369.800.000 đồng theo các giấy mượn tiền lập ngày 29/6/2019, 30/01/2019, 05/5/2021, 15/5/2021 và ngày 20/8/2022. Việc mượn tiền, chồng bà L1 đều biết, có giấy mượn tiền ông C ký tên mượn và ông C còn cảm ơn bà L. Vì vậy, bà L yêu cầu chồng bà L1 là ông C cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà L.

Tại bản tự khai ngày 25/5/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà L có thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà L yêu cầu ông C cùng có nghĩa vụ với bà L1 trả số tiền nợ gốc là 325.000.000 đồng, trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà L không yêu cầu giải quyết tiền lãi.

2. Bị đơn - Bà Nguyễn Thị L1:

Tại bản tự khai ngày 18/5/2023*:* Bà L1 thừa nhận còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 325.000.000 đồng và tiền lãi là 44.800.000 đồng. Tổng cộng là 369.800.000 đồng. Ông C là chồng bà biết việc bà vay tiền của bà L. Bà đề nghị Tòa án cho thời gian để bà bàn bạc với gia đình, đến hết tháng 6/2023 sẽ trả hết nợ cho bà L.

Tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/6/2023, bà L1 tiếp tục hẹn đến ngày 06/8/2023 sẽ trả hết nợ cho bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L1 trình bày: Đến ngày xét xử sơ thẩm bà vẫn chưa bàn bạc với gia đình để trả nợ cho bà L vì khi bà nói việc nợ nần thì chồng, con làm áp lực với bà. Bà đề nghị cho thời gian đến cuối năm sẽ trả hết số tiền nợ bà L là 325.000.000 đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Đắc C:* Từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Đắc C không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G có ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 463, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà L khởi kiện yêu cầu bà L1 trả nợ vay từ các giấy mượn tiền. Bà L1 cư trú tại quận G. Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

Về người tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Xuân A (chồng bà L) xác nhận tại bản tự khai ngày 25/5/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm: Số tiền bà L cho bà L1 và ông C vay là tài sản riêng của bà L, ông A không liên quan gì nên đề nghị Tòa án không triệu tập ông tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông A không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đắc C được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Vũ Thị L

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Bà Nguyễn Thị L1 có vay tiền của bà Vũ Thị L nhiều lần, tổng số tiền vay là 325.000.000 đồng theo các Giấy mượn tiền lập ngày 30/01/2019, 29/6/2019, 05/5/2021, 15/5/2021 và ngày 20/8/2022. Căn cứ vào các Điều 463 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, đây là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn và có lãi.

Bà L1 thừa nhận nợ bà L số tiền 325.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu của bà L buộc ông C cùng có trách nhiệm với bà L1 trả nợ cho bà L. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai ngày 18/5/2023, bà L1 đã xác nhận việc vay tiền của bà L, ông C (chồng bà) biết. Đồng thời, tại giấy mượn tiền lập ngày 29/6/2019, ông C có ký xác nhận nợ. Tòa án đã tiến hành

thông báo cho ông C về việc tham gia tố tụng và tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông C không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình và không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông C vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả tiền. Do đó, căn cứ Điều 27 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 30 quy định quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử buộc ông C cùng có nghĩa vụ liên đới với bà L1 trả nợ cho bà L là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này của bà L.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L1 nhiều lần hứa hẹn trả nợ cho bà L. Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà L1 vẫn chưa trả nợ cho bà L. Do đó, bà yêu cầu bà L1 và ông C trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 357 Bộ Luật dân sự, nếu bà L1 và ông C chậm trả tiền thì bà L1 và ông C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

Tại bản tự khai ngày 25/5/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà L có thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, bà L không yêu cầu giải quyết tiền lãi. Xét việc bà L không yêu cầu giải quyết tiền lãi trong vụ án này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét yêu cầu giải quyết tiền lãi của bà L.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L1 và ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 325.000.000 đồng. Án phí phải nộp là 16.250.000 đồng (5% giá trị tài sản tranh chấp).

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà L, bà L1 là người cao tuổi (Căn cước công dân ghi bà L sinh năm 1956 và bà L1 sinh năm 1958), bà L và bà L1 có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông C không đến Tòa theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể hướng dẫn thủ tục miễn án phí, không cung cấp chứng cứ chứng minh ông C là người cao tuổi và không có đơn miễn án phí (nếu là người cao tuổi). Do đó, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.125.000 đồng.

4. *Về nghĩa vụ thi hành án*:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, 147, 227, 228, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 116, 117, 463, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L

1. Bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Đắc C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị L số tiền nợ là 325.000.000 (Ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng theo các Giấy mượn tiền lập ngày 30/01/2019, 29/6/2019, 05/5/2021, 15/5/2021 và ngày 20/8/2022.

Thời gian trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà L1 và ông C chậm trả tiền thì bà L1 và ông C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

- Bà Nguyễn Thị L1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

- Ông Nguyễn Đắc C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.125.000 (Tám triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hạnh